

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thanh;
2. Ông Nguyễn Kim Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện C, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Thị Thúy L, tên gọi khác: không; Sinh năm 1981, tại huyện P, TP .. Đăng ký thường trú: ấp T, xã T, huyện P, TP .; tạm trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn L1**, sinh năm 1963 (còn sống) và bà **Nguyễn Kim S**, sinh năm 1962 (đã chết); anh chị em ruột: 01 người; bị cáo có chồng tên **Dương Văn H**, sinh năm 1974; có 05 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/9/2022, **Bùi Thị Thúy L** bị Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xử phạt 10 năm tù, về tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Theo Bản án sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 15/9/2022; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 78/2022/HSPT-QĐ ngày 06/12/2022. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. **Trần Thị Thúy H1**, sinh năm 1987, trú tại: ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

2. Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1987, trú tại: ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

3. Nguyễn Minh H2, sinh năm 1984, đăng ký thường trú tại ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1973, trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; (vắng mặt)

2. Nguyễn Văn N1 sinh năm 1974, trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; (vắng mặt)

3. Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; (vắng mặt)

4. Bùi Văn L1, sinh năm 1963, đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

5. Lê Thị L2, sinh năm 1981, trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

- Người làm chứng: Đinh Thị Mỹ P (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/12/2019, bị cáo Bùi Thị Thúy L nhận chuyển nhượng của chị Lê Thị L2 phần đất và nhà ở tại khu dân cư vượt lũ T, diện tích 64 mét vuông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 126922, vào sổ cấp GCN CH02001, thửa số 492, tờ bản đồ số 20 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 27/11/2019 cho chị Lê Thị L2, giá chuyển nhượng là 300.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng các bên có lập thành văn bản, không có công chứng, chưa đăng ký việc chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền. Giao dịch xong chị L2 đưa giấy chứng nhận bản gốc cho L và L nhờ ông Bùi Văn L1 - cha ruột của L giữ dùm. Đồng thời năm 2020, ông Bùi Văn L1 cũng nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị Thu B phần đất và nhà ở tại khu dân cư vượt lũ Trường Long A diện tích 64 mét vuông, phần đất và nhà ở này được giao cho hộ bà Nguyễn Thị Thu B theo quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 09/7/2023.

Đến tháng 11 năm 2020, do không có tiền tiêu xài cá nhân và nuôi con nhỏ nên bị cáo Bùi Thị Thúy L nảy sinh ý định đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất, nhằm mục đích dùng giấy giả tạo lòng tin vay mượn tiền và chiếm đoạt tiền của người khác. Bị cáo truy cập mạng xã hội Facebook để tìm người làm giả thì biết được tài khoản tên “A Q”

(không rõ chủ tài khoản và địa chỉ). Qua thỏa thuận bị cáo **L** đã đồng ý làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất với giá 45.000.000 đồng/ 1 giấy. Bị cáo **L** gửi hình giấy chứng nhận số CT 126922, do Ủy ban nhân dân huyện **C**, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà **Lê Thị L2** để làm giả giấy nêu trên. Sau khi làm xong, người làm giả giao hàng cho **L** và nhận tiền thông qua hình thức nhận quà từ giao hàng tiết kiệm tại **xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**.

Đến tháng 10/2021, **L** phát hiện trang Facebook tên tài khoản “Lamgiaynhanh”, **L** trao đổi và gặp người đàn ông (không xác định được nhân thân, địa chỉ), thỏa thuận làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 45.000.000 đồng/giấy. **L** gửi ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 126922, do Ủy ban nhân dân huyện **C**, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà **Lê Thị L2** và Quyết định quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 09/7/2023 về việc giao đất cho bà **Lê Thị Thu B1**. Đến tháng 02/2022 thì làm xong giấy giả, là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT126922, do Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp ngày 27/11/2019 cho bà **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1981, CMND số 362383878, địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang** và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 126922, do Ủy ban nhân dân huyện **C**, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà **Lê Thị L2**. Các bên nhận giấy giả và trả tiền qua giao hàng tiết kiệm, tại **xã T**.

Khi có được các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, **Bùi Thị Thúy L** đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả chiếm đoạt tiền của nhiều người. Cụ thể như sau:

Ngày 17/11/2021, thông qua **Nguyễn Văn H3** giới thiệu, **L** hẹn gặp anh **Nguyễn Minh H2** tại nhà **Nguyễn Văn H3**. Tại đây, **L** thỏa thuận vay của anh **H2** 120.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. **L** lập “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ TÀI SẢN”, kèm theo là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 126922, do Ủy ban nhân dân huyện **C**, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà **Lê Thị L2**. Đến ngày 04/3/2023, do nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà **L** đưa là giả nên anh **Nguyễn Minh H2** đã đến **Công an huyện C** để trình báo và giao nộp tang vật (**Bút lục số: 04-14**).

- Ngày 26/01/2022, thông qua sự giới thiệu của **Nguyễn Văn N1**, tại quán **C**, thuộc **ấp A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, **Bùi Thị Thúy L** đã gặp và thỏa thuận với anh **Nguyễn Hoàng N** vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất

6%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, từ tháng 01/2022 đến tháng 6/2022. L đưa anh N giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 126922, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Lê Thị L2. Đến ngày 21/3/2023, do nghi ngờ giấy chứng nhận số CT 126922 mà L đưa là giả nên anh Nguyễn Hoàng N đã đến Công an huyện C trình báo và giao nộp tang vật (**Bút lục số: 20-30**).

- Ngày 10/02/2022, thông qua sự giới thiệu của anh Nguyễn Hoàng N, cũng tại quán cà phê Sao Đ, L gặp chị Trần Thị Thúy H1 lập tờ thỏa thuận vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 10/02/2022. L đưa giấy chứng nhận số CT126922, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Thu B cho chị H1 giữ. Đến ngày 24/3/2022, do nghi ngờ giấy chứng nhận số CT126922, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Thu B là giả nên chị H1 đã đến Công an huyện C để trình báo và giao nộp tang vật (**Bút lục số: 32-42**).

Tại Kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/5/2022 của Phòng K - Công an tỉnh H đã giám định và kết luận đối với: 01 (Một) “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: CT 126922; dưới mục “PHÓ CHỦ TỊCH” có chữ ký mang tên Võ Quốc S1 và hình dấu tròn có nội dung “ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A – T. HẬU GIANG”, đề ngày 27/11/2019, được đóng dấu ký hiệu A”.

“1. Phương pháp in trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với phương pháp in trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không cùng phương pháp in.

2. Chữ ký mang tên Võ Quốc S1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Võ Quốc S1 trên tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký ra.

3. Hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

*4. “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: CT 126922 ký hiệu A là giấy giả.” (**Bút lục số: 18**).*

Tại Kết luận giám định số: 544/KL-KTHS ngày 12/9/2022 của Phòng K - Công an tỉnh H đã giám định và kết luận:

- 01 (Một) “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: CT 126922; người sử dụng đất: **Lê Thị L2**, dưới mục “PHÓ CHỦ TỊCH” có chữ ký mang tên **Võ Quốc S1** và hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A T. HẬU GIANG”, đề ngày 27/11/2019, được đóng dấu ký hiệu A1”.

- 01 (Một) “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: CT 126922; người sử dụng đất: **Nguyễn Thị Thu B**, dưới mục “PHÓ CHỦ TỊCH” có chữ ký mang tên **Võ Quốc S1** và hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A T. HẬU GIANG”, đề ngày 27/11/2019, được đóng dấu ký hiệu A”.

“1. Phương pháp in trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với phương pháp in trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không cùng phương pháp in.

*2. Chữ ký mang tên **Võ Quốc S1** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của **Võ Quốc S1** trên tài liệu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký ra.*

3. Hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

4. “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: CT 126922 ký hiệu A1, A2 là phôi giả.”(Bút lục số 47-48).

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKS-HCTA ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố bị cáo **Bùi Thị Thúy L** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, khoản 3, Điều 341 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo **Bùi Thị Thúy L** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phân tích hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo, Đại diện

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Bùi Thị Thúy L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174, điểm b, khoản 3, Điều 341, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thúy L** từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và từ 07 năm đến 08 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về vật chứng gồm: 01 tờ cam kết ngày 17/11/2021 (bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục 14*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/12/2019 (bản phô tô – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục số 09-10*); 01 hợp đồng cầm cố tài sản (Bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục số 11-13*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, số vào sổ cấp GCN: CH02001 (*Bút lục số: 05-06*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, số vào sổ cấp GCN: CH02001 (*Bút lục số 21-22*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 09/12/2019 (Bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục số 25-29*); 01 tờ thỏa thuận ngày 26/01/2022 (bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục số 30*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1981, CMND 362383878, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, số vào sổ cấp GCN: CS1594 (*Bút lục số 33-34*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 10/02/2022 (bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục số 37-41*); 01 tờ thỏa thuận ngày 10/02/2022 (bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục số 42*). Các vật chứng này đề nghị lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị phát hiện, **Bùi Thị Thúy L** đã trả lại tiền cho các bị hại như sau: ngày 02/4/2022, **Bùi Thị Thúy L** đã trả cho anh **Nguyễn Minh H2** số tiền 120.000.000 đồng; Ngày 02/4/2022, **L** đã trả cho anh **Nguyễn Hoàng N** số tiền 60.000.000 đồng; Ngày 02/4/2022, **L** đã trả cho chị **Trần Thị Thúy H1** 120.000.000 đồng. Các bị hại đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường (*Bút lục: 09; 31; 43*) nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo **Bùi Thị Thúy L** thừa nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Việc khởi tố, điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố hình sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, những người này đã cung cấp đầy đủ lời khai, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Bùi Thị Thúy L** thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, chứng minh được như sau:

[3.1] Từ mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nên bị cáo thuê người khác làm tài liệu giả là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Bị cáo đã lên mạng xã hội tìm thuê người khác làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên **Nguyễn Thị Thu B** và **Lê Thị L2**. Cả hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều mang số CT 126922, do **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Hậu Giang cấp. Sau khi nhận được những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo đã sử dụng chúng để chứng minh với các bị hại là bị cáo có các tài sản là quyền sử dụng đất nhằm tạo lòng tin với các bị hại, cầm cho các bị hại lấy tiền nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Trong khoảng thời gian từ ngày 17/11/2021 đến ngày 10/02/2022, trên địa bàn **thị trấn M và xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang** bị cáo **Nguyễn Thị Thúy L3** với thủ đoạn dùng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để tạo lòng tin nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, trong đó chiếm đoạt của bị hại **Nguyễn Minh H2** số tiền 120.000.000 đồng, bị hại **Nguyễn Hoàng N** số tiền 60.000.000 đồng, bị hại **Trần Thị Thúy Hằng s** tiền 120.000.000 đồng.

[3.2] Tại Kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/5/2022 của **Phòng K1** sự - **Công an tỉnh H** đã giám định và kết luận: “*GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT*” số: CT 126922 ký hiệu A là giấy giả.” (Bút lục số: 18).

Tại Kết luận giám định số: 544/KL-KTHS ngày 12/9/2022 của **Phòng K - Công an tỉnh H** đã giám định và kết luận: “*GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT*” số: CT 126922 ký hiệu A1, A2 là phôi giả.” (Bút lục số 47-48).

[4] Về tội danh:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bản thân lười lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo đã thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp đi vay tiền của người khác nhằm chiếm đoạt. Bị cáo đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay được 300.000.000đồng của 03 bị hại.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi bị cáo thực hiện thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 và điểm b, khoản 3, Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có hành vi phạm tội nhiều lần thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ Luật hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho các bị hại; tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị hại đều có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có ông nội và bác ruột là liệt sĩ, bà nội của bị cáo là Mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Tính chất, mức độ thực hiện hành vi và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo **Bùi Thị Thúy L** có nhân thân xấu, cụ thể:

Cùng với 01 hành vi đưa ra thông tin giả, tạo lòng tin cho bị hại, nhằm chiếm đoạt tài sản của họ bị cáo biết rõ đó là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, lười lao động lại muốn có nhiều tiền để tiêu xài cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đối với nhiều người, điều đó chứng tỏ rằng bị cáo coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo đã bị xử phạt 10 năm tù tại bản án số Bản án sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thành phố Cần thơ, bị cáo chưa chấp hành án. Do đó, Hội đồng xét xử tổng hợp với hình phạt của bản án nêu trên cùng với hình phạt của bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án gồm:

[8.1] Đối với: 01 tờ cam kết ngày 17/11/2021 (bản gốc) (*bút lục 14*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/12/2019 (bản phô tô) (*bút lục số 09-10*); 01 hợp đồng cầm cố tài sản (Bản gốc) (*bút lục số 11-13*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, sổ vào sổ cấp GCN: CH02001, bản phô tô (*Bút lục số: 07-08*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, sổ vào sổ cấp GCN: CH02001, bản photo (*Bút lục số 23-24*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 09/12/2019 (Bản gốc) (*bút lục số 25-29*); 01 tờ thỏa thuận ngày 26/01/2022 (bản gốc) (*bút lục số 30*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1981, CMND 362383878, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, sổ vào sổ cấp GCN: CS1594, bản photo (*Bút lục số 35-36*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 10/02/2022 (bản gốc) (*bút lục số 37-41*); 01 tờ thỏa thuận ngày 10/02/2022 (bản gốc) (*bút lục số 42*) là những chứng cứ quan trọng đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8.2] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bản gốc đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông. Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, số vào sổ cấp GCN: CH02001; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông. Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, số vào sổ cấp GCN: CH02001; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1981, CMND 362383878, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông. Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, số vào sổ cấp GCN: CS1594. Đây là phương tiện, công cụ phạm tội của bị cáo không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với **Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Hoàng N** khi giới thiệu cho bị cáo **Bùi Thị Thúy L** vay tiền của người khác không biết giấy chứng nhận bị cáo **L** sử dụng là giấy giả, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Hoàng N**.

[10] Đối với **Nguyễn Minh H2, Nguyễn Hoàng N** và **Trần Thị Thúy H1** có hành vi cho vay vượt mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự. Viện kiểm sát đã Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an huyện C** làm rõ và xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị Thúy L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ vào Điều 268, Điều 269 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174, điểm b, khoản 3, Điều 341, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm g khoản 1, Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thúy L** 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Tổng hợp với

hình phạt 10 năm tù tại Bản án sơ thẩm số 42/2022/HS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, TP. về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” nhưng chưa chấp hành án”. Tổng cộng bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về vật chứng gồm: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu lưu giữ tại hồ sơ gồm: 01 tờ cam kết ngày 17/11/2021 (bản gốc) (*bút lục 14*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/12/2019 (bản phô tô) (*bút lục số 09-10*); 01 hợp đồng cầm cố tài sản (Bản gốc) (*bút lục số 11-13*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2** (*Bút lục số: 05-06*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, số vào sổ cấp GCN: CH02001 (*Bút lục số 21-22*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 09/12/2019 (Bản gốc) (*bút lục số 25-29*); 01 tờ thỏa thuận ngày 26/01/2022 (bản gốc – lưu trong hồ sơ vụ án) (*bút lục số 30*); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1981, CMND 362383878, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông, số vào sổ cấp GCN: CS1594 (*Bút lục số 33-34*); 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 10/02/2022 (bản gốc) (*bút lục số 37-41*); 01 tờ thỏa thuận ngày 10/02/2022 (bản gốc) (*bút lục số 42*).

2.2. Tịch thu tiêu hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bản gốc đã chuyển qua cơ quan thi hành án gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông. Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, số vào sổ cấp GCN: CH02001; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Lê Thị L2**, sinh năm 1981, CMND 363694791, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông. Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, số vào sổ cấp GCN: CH02001; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên **Nguyễn Thị Thu B**, sinh năm 1981, CMND 362383878, số CT126922, thửa số 492, tờ bản đồ số 20, diện tích 64,0 mét vuông. Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang**, số vào sổ cấp GCN: CS1594.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu giải quyết nên không đặt

ra xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án, bị cáo **Bùi Thị Thúy L** phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hậu Giang; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;

- VKSND huyện Châu Thành A;

- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;

- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;

- Công an huyện Châu Thành A;

- Bị cáo;

- Những người tham gia tố tụng;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên